Ưu điểm của Spring Framework:

* Lightweight: Rất nhẹ những phần core của nó chưa đến 2mb tức là những gói Jar của nó khi mà chúng ta sử dụng trong spring framework
* Predefined Templates để cho phép người dùng dễ dàng khởi tạo 1 project để có thể đưa vào dự án nhanh chóng
* Loose Coupling with IoC and DI: Về mặt design Framework cho phép chúng ta có những thiết kế Loose Coupling như là IoC và DI
* Easy to Test:
* Fast Development: Chúng ta có thể dễ dàng khởi tạo ra các project ngoài ra tại thời điểm này chúng ta có spring boot cho phép tạo ra application trong spring với một số bước đơn giản trông thời gian ngắn.
* Powerful Abstraction:việc sử dụng IoC và DI mà spring framework có 1 tính Abstraction rất mạnh bởi vì nó chủ yếu sử dụng Interface để giao tiếp.
* Declarative support : Spring framework cho phép chúng ta khai báo thông qua XML
* Aspect Oriented Programming (AOP): Spring framework cũng hỗ trợ cho AOP – lập trình hướng sự kiện
* Well-designed Web MVC framwork
* Transaction Management:
* Security:
* Various Products:

# **Dependency Injection trong Spring**

**Dependency Injection (DI)** trong Spring là một mẫu thiết kế được sử dụng để loại bỏ sự phụ thuộc giữa các mã chương trình, giúp cho việc quản lý và kiểm thử ứng dụng dễ dàng hơn. Dependency Injection làm cho mã chương trình ít bị phụ thuộc vào nhau hơn.

# IoC Containers trong Spring

Đây chính là lõi của Spring Framework. IoC Container sẽ tạo ra các đối tượng, nối chúng lại với nhau, cấu hình chúng và quản lý vòng đời của chúng từ khi tạo ra đến khi bị hủy. IoC sử dụng DI để quản lý các thành phần tạo nên một ứng dụng. Những đối tượng này được gọi là Spring Bean. IoC Container được cung cấp thông tin từ các tập tin XML.  
Có 2 loại IoC Container, đó là:

* BeanFactory
* ApplicationContext

BeanFactory: Đây là container đơn giản nhất cung cấp hỗ trợ cơ bản cho DI.

ApplicationContext:

# Bean trong spring

Các đối tượng tạo thành xương sống của ứng dụng và được quản lý bởi Spring IoC container được gọi là Bean. Một bean là một đối tượng được khởi tạo, lắp ráp và được quản lý bởi một Spring IoC container. Các bean này được tạo ra bằng siêu dữ liệu cấu hình mà bạn cung cấp cho container.

# Phạm vi của Bean trong spring

Khi định nghĩa một bean trong Spring, bạn có các tùy chọn để khai báo phạm vi của bean đó. Ví dụ, bạn muốn Spring tạo ra một bean mới khi cần thiết thì bạn nên khai báo thuộc tính phạm vi của bean là prototype. Tương tự như vậy, nếu bạn muốn Spring trả về cùng một bean (bean duy nhất) khi cần thiết, bạn nên khai báo thuộc tính phạm vi của bean là Singleton

5 Phạm vi:

* Singleton: Đây là phạm vi mặc định, phạm vi này nói với Spring IoC container rằng chỉ tạo ra một thể hiện duy nhất của bean này trên toàn bộ dứng dụng
* Prototype: Phạm vi này nói với Spring IoC container rằng tạo ra một thể hiện mới của bean mỗi khi cần thiết.
* Request: Phạm vi này định nghĩa một bean cho một HTTP request. Chỉ có giá trị trong ngữ cảnh của một ứng dụng Spring Web.
* Session: Phạm vi này định nghĩa một bean cho một HTTP session. Chỉ có giá trị trong ngữ cảnh của một ứng dụng Spring Web.
* Global-session: Phạm vi này định nghĩa một bean cho một global HTTP session. Chỉ có giá trị trong ngữ cảnh của một ứng dụng Spring Web.

# Vòng đời của Bean

VÒng đời của Bean trong Spring bao gồm khởi tạo, sử dụng và kết thúc. Mặc dù, có một danh sách các hoạt động xảy ra đằng sau thời điểm bắt đầu và trước khi bean bị hủy.

# Kế thừa Bean trong Spring